TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 27/02/2024
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và ông Điểu Nhót.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số M, Hàng V, quận H, TP. Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn C; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ - Là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 963/QĐ ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Đ là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 814/QĐ ngày 12/9/2023 của Giám đốc Chi nhánh Đ. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: T3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: T2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Hoàng Trung K; vắng mặt.

Địa chỉ: T2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích P người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch Đ và bà Nguyễn Thị T thoả thuận ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 (tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn bà T là công chức kế toán UBND xã N, sau được điều động về kế toán UBND huyện Đ, hiện nay đã nghỉ việc), hình thức vay vốn tín chấp trả bằng hình thức trừ lương hàng tháng, số tiền gốc được giải ngân là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 59 tháng, trả nợ đình kỳ hàng tháng với số tiền gốc là 2.542.000 đồng, lãi theo số nợ dư thực tế, lãi suất thỏa thuận là 11 %/ năm, tự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ niêm yết, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Qúa trình vay vốn bà T trả được 122.061.144 đồng tiền gốc và lãi 39.388.268 đồng. Thời hạn bà T vi phạm quá hạn gốc và lãi từ ngày 16/01/2023.

Hiện nay hợp đồng này còn nợ số tiền gốc 27.938.856 đồng; lãi trong hạn là 4.139.631 đồng, lãi quá hạn 1.078.134 đồng.

Sau khi nghỉ việc bà Nguyễn Thị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về. Tuy nhiên, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ do vi phạm hợp đồng hợp đồng tín dụng đã ký với tổng số tiền dư nợ còn lại cả tiền gốc và lãi là 33.156.621 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi mốt đồng*) trong đó nợ tiền gốc 27.938.856 đồng (*Hai mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*), tổng nợ lãi 5.217,765 đồng (Lãi trong hạn là 4.139.631 đồng, lãi quá hạn 1.078.134 đồng).

Kể từ ngày 28/02/2024 bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 đối với số tiền gốc chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Do vay vốn bằng hình thức tín chấp nên không có tài sản thế chấp theo quy định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn K: Căn cứ lời khai của ông K, hồ sơ vay vốn ông K không ký (vì vay theo hình thức trừ lương bà T) nên Ngân hàng không có căn cứ để buộc ông K trả nợ cùng bà T. Vì vậy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với ông Hoàng Trung K.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T: Theo kết quả xác minh tại địa phương thì bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại T2, thị trấn Đ, huyện Đ, nhưng hiện nay đi làm ăn xa, theo chồng bà T cung cấp thì thỉnh thoảng mới về nhà. Tòa án đã tống đạt cho ông K và cam kết giao và thông báo cho bà T có mặt tại Tòa án làm việc. Tuy nhiên, bà T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trung K trình bày**: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 thì khoản vay này 01 mình bà T ký vay vốn với số tiền là gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Ông K và bà T là vợ chồng nhưng khoản vay này là vay hình thức tín chấp, bằng

việc trừ lương hàng tháng của bà T, khi vay ông K không ký và cũng không biết bà T vay về làm gì vì bà T không vay về sử dụng chung trong gia đình. Nay ý kiến ông K là bà T vay sử dụng việc gì không biết, hiện nay đã nghỉ việc. Do đó khoản vay này không liên quan đến ông K, bà T vay thì bà T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi còn lại, yêu cầu Ngân hàng rút tư cách tham gia tố tụng với ông K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành quá trình tham gia tố tụng.

-Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 92; Điều 147; Điều 173, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

1. Đình chỉ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trung K

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là 27.938.856 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 28/02/2024 bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 đối với số tiền gốc chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Do vay vốn bằng hình thức tín chấp nên không có tài sản thế chấp theo quy định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc 27.938.856 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, bà T có đăng ký hộ khẩu tại thị trấn Đ, huyện Đ. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã nghỉ việc, hiện nay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương, Tòa án đã giao các thủ tục tố tụng cho ông K là chồng bà T có trách nhiệm giao hoặc thông báo cho bà T biết về làm việc. Tuy nhiên, bà T vẫn vắng mặt không có lý do, không làm bản tự khai hay đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[1.3] Đối với ông K, quá trình Tòa án làm việc, cũng như lời trình bày của ông K, kèm theo chứng cứ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án không có căn cứ buộc ông K có nghĩa vụ cùng với bà T trả khoản nợ này. Vì vậy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đã rút tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét việc rút là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX đình chỉ tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với ông Hoàng Trung K.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 thì khoản vay trên bà Nguyễn Thị T đã để quá hạn từ ngày 16/01/2023, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; hiện nay, khoản vay này đã quá hạn, nguyên nhân bà T không có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa. Qúa trình thực hiện hợp đồng bà T trả được số tiền gốc là 122.061.144 đồng và tiền lãi là 39.388.268 đồng. Tính đến ngày xét xử bà T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là tiền gốc 27.938.856 đồng (*Hai mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*), tổng nợ lãi 5.217,765 đồng, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất do các bên thỏa thuận, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả thì bà T còn nợ như Ngân hàng khởi kiện. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 28/02/2024. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.3] Do vay vốn bằng hình thức tín chấp không đăng ký thế chấp tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

[2.4]Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 33.156.621 đồng (*Ba*

mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi mốt đồng) x 5% = 1.657.831 đồng.

Hoàn trả số tiền 761.000 đồng do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ nộp tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001387 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 92; Điều 147; Diều 173,174, 177, 227, 228, 244 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Đình chỉ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trung K.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền cả gốc và lãi là 33.156.621 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi mốt đồng*) trong đó tiền gốc 27.938.856 đồng (*Hai mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*), lãi trong hạn là 4.139.631 đồng, lãi quá hạn 1.078.134 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 27/02/2024.

Kể từ ngày 28/2/2024, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8252926/HĐTD ngày 22/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phần Ngân hàng thương mại cổ Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.657.831 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi mốt đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 761.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001387 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
-VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà